

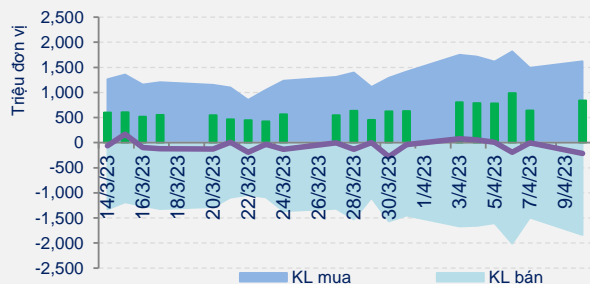
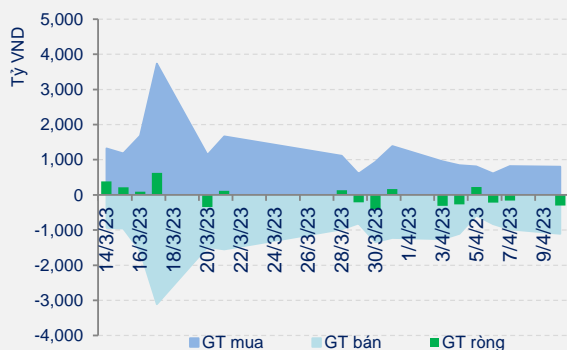
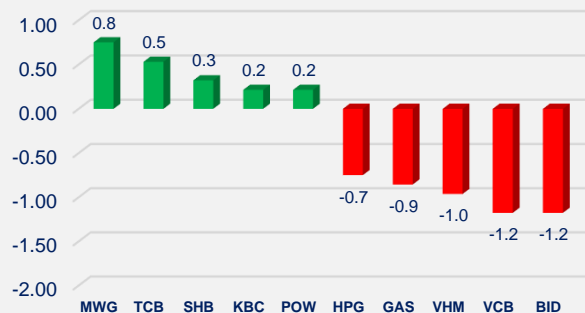
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

10/4/2023

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,065.35	212.00
% Thay đổi	↓ -0.41%	↑ 0.19%
KLGD (CP)	842,798,492	161,646,107
GTGD (tỷ đồng)	15,048.14	2,249.12
Tổng cung (CP)	1,840,864,319	211,738,700
Tổng cầu (CP)	1,622,753,950	203,466,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	42,780,100	252,666
KL mua (CP)	31,900,800	771,700
GT mua (tỷ đồng)	799.68	19.33
GT bán (tỷ đồng)	1,104.90	3.95
GT ròng (tỷ đồng)	(305.22)	15.38

**Tương quan cung cầu HOSE**

**Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE**

**Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX**


## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX mở cửa phiên giao dịch đầu tuần tăng điểm hướng đến vùng giá 1.075 điểm, sau đó áp lực bán dần xuất hiện và mạnh hơn vào chiều. Kết thúc phiên VN-INDEX giảm 4,35 điểm (-0,41%) với thanh khoản gia tăng. Độ rộng nghiêng về tiêu cực với 215 mã giảm điểm dưới áp lực bán mạnh hơn khi lượng cổ phiếu giá cao ngày 06/04/2023 về tài khoản, 173 mã tăng điểm (11 mã tăng trần) và 58 mã tham chiếu. HNX-INDEX tích cực hơn tăng 0,40 điểm (0,19%) với 84 mã tăng giá (11 mã tăng trần), 86 mã giảm giá (08 mã giảm sàn) và 66 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết tăng khá mạnh với 17.293,42 tỉ đồng được giao dịch, tương đương ngày 06/04/2023, tuy nhiên tăng mạnh trên HNX và giảm trên HOSE. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên HOSE với giá trị 302,09 tỉ đồng, mua ròng trên HNX với giá trị 15,38 tỉ đồng.

Thị trường phân hóa mạnh với dòng tiền vẫn xoay vòng tìm kiếm cơ hội. Trong đó với thông tin Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, địa phương khẩn trương xử lý, giải quyết vấn đề hoàn thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT) cho các doanh nghiệp, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét tiếp tục chính sách giảm 2% thuế GTGT năm 2023 thì nhóm cổ phiếu bán lẻ đã phục hồi tăng tốt như DGW (+6,87%), PET (+6,82%), MWG (5,13%), FRT (+4,10%)..., các mã nhóm ngành thủy sản, chăn nuôi cũng phục hồi tốt như DBC (+4,6%), ANV (+3,19%), FMC (2,18%), VHC (1,28%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng, dịch vụ tài chính chứng khoán phân hóa mạnh với nhiều mã tăng giá tốt như TCB (+2,20%), SHB (+3,45%), SHS (+9,47%), VDS (+6,98%)... trong khi nhiều mã chịu áp lực bán như BID (-2,08%), LPB (-1,35%), VCB (-1,11%), VCI (-2,73%), HCM (-2,29%), MBS (-1,18%)...

Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp có diễn biến khá tích cực với nhiều mã tăng tốt như TIP (+6,86%), KBC (+5,39%), LHG (+3,06%), VGC (+2,39%), SZC (+2,24%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng lại chịu áp lực bán mạnh sau giai đoạn tích lũy ngắn hạn với khối lượng giao dịch rất đột biến như KSB (-5,35%), LCG (-4,69%), HT1 (-4,55%), VCG (-4,55%), HHV (-3,00%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản phân hóa khá mạnh với nhiều mã tăng điểm tích cực như NTL (+4,52%), DIG (+2,35%), NLG (+1,37%)... tuy nhiên đa phần chịu áp lực bán khi lượng cổ phiếu giá cao T+2 về tài khoản như TDC (-4,63%), DRH (-2,81%), L14 (-2,40%), HDC (-2,14%), CEO (-1,96%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2304 giảm 2,3 điểm (-0,21%), mức chênh lệch -4,61 điểm so với VN30. Khối lượng mở OI tiếp tục giảm mạnh, khối lượng giao dịch tiếp tục xu hướng giảm. Kỳ hạn VN30F2305 giảm -1,7 điểm, mức chênh lệch -7,41 điểm so với VN30 với khối lượng mở OI bắt đầu xu hướng tăng mạnh. Cho thấy các trader đang giảm dần các vị thế đầu cơ bên VN30F2304, dịch chuyển dần sang các vị thế kỳ hạn VN30F2305, cũng như bên thị trường cơ sở khi trên thị trường cơ sở đang có nhiều cơ hội sinh lợi ngắn hạn tốt.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/4/2023

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Phiên đầu tuần thị trường tiếp tục xu hướng điều chỉnh, xu hướng này đã bắt đầu từ 2 phiên cuối tuần trước và đã giảm tiếp tục được duy trì phiên hôm nay khi VnIndex chốt phiên giảm -4.36 điểm. Thị trường điều chỉnh là cần thiết sau giai đoạn VnIndex liên tiếp tăng điểm trong 10 phiên, việc điều chỉnh sẽ giúp thị trường rũ bỏ và tích lũy lại trước khi có đợt hồi phục tiếp theo.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường khởi đầu tuần mới khá tích cực trong phiên sáng khi VnIndex thường duy trì sắc xanh, tuy nhiên lực cung gia tăng về cuối phiên khiến VnIndex đóng cửa giảm -4,36 điểm (-0,41%) và tiếp tục xu hướng điều chỉnh. Khối lượng giao dịch trong phiên hôm nay tiếp tục duy trì ở mức cao cho thấy lực cầu tăng lên khi thị trường điều chỉnh sẽ củng cố thêm nhận định đợt điều chỉnh này chỉ là giai đoạn điều chỉnh thông thường trong một xu hướng tăng, với điểm số hiện tại VnIndex vẫn duy trì xu hướng vận động trong kênh tăng ngắn hạn và xu hướng này chưa có dấu hiệu xấu đi. Mục tiêu của VnIndex đang hướng tới có thể là vùng kháng cự ngắn hạn 1.150 hoặc cao hơn theo kênh tăng (2 đường đỏ song song) trên đồ thị.

Về xu hướng trung - dài hạn không có gì thay đổi trong giai đoạn hiện tại, bởi VnIndex vẫn đang vận động trong giai đoạn hồi phục sau khi tạo đáy vào tháng 11/2022. Trạng thái hồi phục trong giai đoạn hiện tại đang là trạng thái vận động chặt chẽ dần khi các sóng hồi phục có biên độ hẹp. Với góc nhìn trung - dài hạn chúng tôi cho rằng VnIndex đang trong giai đoạn tích lũy khá chặt với vùng đỉnh quanh 1.150 điểm và sau đó có thể có một Uptrend thực sự (kèm theo các điều kiện vĩ mô thuận lợi). Về cơ bản mặt bằng giá cổ phiếu hiện tại vẫn đang ở mức hấp dẫn để có thể đầu tư. Về vĩ mô có thể thấy giai đoạn hiện tại là giai đoạn khó đoán định khi các thông tin về tình hình vĩ mô trong và ngoài nước vẫn đang tương đối xấu, điểm tích cực là xu hướng lãi suất đang giảm dần nhưng rủi ro về lạm phát và suy thoái toàn cầu vẫn đang ở mức cao. Do đó, chúng tôi nhận định xu hướng hiện mang tính chất tích lũy sẽ còn tiếp tục kéo dài trước khi thị trường có thể tạo ra một xu hướng (uptrend) thực sự mạnh mẽ.

Với nhận định thị trường như trên, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng các phiên điều chỉnh đang diễn ra để giải ngân gia tăng tỷ trọng, chúng tôi vẫn kỳ vọng VnIndex sẽ hướng tới khu vực 1.150 điểm. Thị trường hiện tại vẫn phù hợp cho mục tiêu giải ngân đầu tư nắm giữ trung - dài hạn (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy), mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/4/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
LPB	14.60	13-14	17.5-18.5	12	5.2		57.0%	Theo dõi chờ giải ngân
ANV	32.35	27-30	34-35	23	6.1	40.2%	423.3%	Theo dõi chờ giải ngân
DGC	52.70	46-49	66-67	43	3.5	51.2%	133.0%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	25.70	24-25.5	29-30	22	13.9	14.8%	31.0%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	15.90	14-15.5	19-20	12	16.6	-2.9%	-7.7%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	37.65	33-34.5	44-46	30	3.3	63.9%	84.5%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	32.05	28-30	36-37	27	16.0	-14.9%	-42.0%	Theo dõi chờ giải ngân
BSI	26.60	22-23	27-28	19	32.9	-18.3%	-68.5%	Theo dõi chờ giải ngân
BMP	62.20	61-63	75-76	56	7.3	27.6%	223.9%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	31.90	28.5-30	34-35	26	19.3	25.2%	-23.6%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	12.20	10.5-11.5	13.5-14	10	12.1	-44.2%	5.7%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thể	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/2/2023	POW	13.35	12.10	16-16.5	12.5	10.33%	Nắm giữ
3/8/2023	SZC	32.00	26.90	33-35	29	18.96%	Nắm giữ
3/9/2023	CSV	28.65	27.40	34-36	27	4.56%	Nắm giữ
3/9/2023	IDC	41.00	39.90	47-49	39	2.76%	Nắm giữ
30/3/2023	BVS	20.00	18.00	24-26	18	11.11%	Nắm giữ
31/3/2023	PTB	41.80	42.00	50-52	41	-0.48%	Nắm giữ
4/4/2023	DBC	14.90	14.15	21-22	13.8	5.30%	Nắm giữ
4/4/2023	DCM	24.35	24.10	30-31	23	1.04%	Nắm giữ
4/4/2023	HAH	37.65	34.80	44-46	34	8.19%	Nắm giữ



### TIN VĨ MÔ

**Điểm lại loạt chỉ tiêu kinh tế nổi bật của địa phương lần đầu tiên có tăng trưởng GRDP quý I/2023 cao nhất Việt Nam**

Ông Trần Văn Huyền - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hậu Giang cho biết, với tăng trưởng GRDP quý I/2023 đạt 12,67%, đây là lần đầu tiên tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) quý I của Hậu Giang đứng đầu cả nước.

**Lý do chưa thể giảm giá dịch vụ cất, hạ cánh chuyến bay nội địa**

Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải (GTVT) Lê Anh Tuấn cho biết, Bộ GTVT đã họp, thống nhất với ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan về đề xuất xem xét giảm giá dịch vụ cất, hạ cánh đối với các chuyến bay nội địa năm nay.

**Diện mạo mới đường vành đai TP Tân An**

Đường vành đai TP Tân An (Long An) có tổng vốn đầu tư hơn 1.500 tỷ đồng hiện nay đã cơ bản hoàn thành và dự kiến các hạng mục còn lại sẽ về đích cuối năm nay.

**Trình quy hoạch sân bay thứ hai của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2026-2030**

Ban cán sự Đảng Bộ GTVT vừa ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 15/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**Top địa phương thu ngân sách lớn nhất quý 1/2023**

Sau năm 2022 có mặt trong CLB thu ngân sách 50.000 tỷ đồng, Quảng Ninh, Thanh Hoá tiếp tục duy trì việc lọt top thu ngân sách cao nhất cả nước.

**Giảm thuế giá trị gia tăng: Đòn bẩy kích cầu tiêu dùng**

Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất việc giảm thuế giá trị gia tăng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp

**Đề xuất nâng cấp 3 quốc lộ tại Đồng bằng sông Cửu Long**

Bộ Giao thông vận tải cho biết vừa có đề xuất Dự án nâng cấp, cải tạo 3 tuyến gồm Quốc lộ 53, Quốc lộ 62 và Quốc lộ 91B tại Đồng bằng sông Cửu Long với tổng mức đầu tư 7.158 tỷ đồng. □



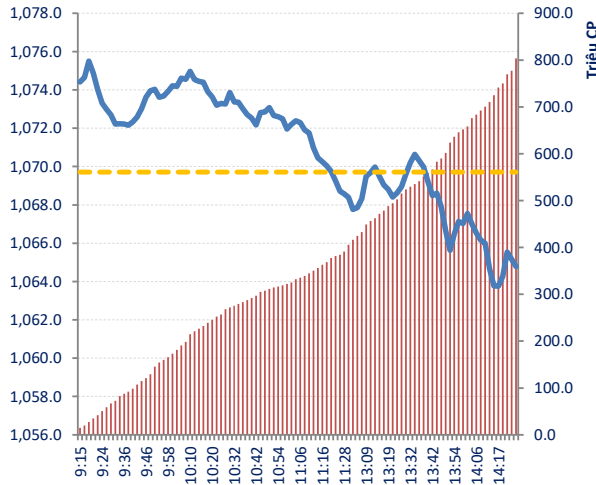
## TIN DOANH NGHIỆP

<b>L14 kỳ vọng lãi 2023 tăng 32%, giảm tỷ lệ cổ tức 2022 xuống 5% bằng cổ phiếu</b>	Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2023, CTCP Licogi 14 (HNX: L14) lên kế hoạch tổng doanh thu đạt 195 tỷ đồng và lãi sau thuế đạt 25 tỷ đồng, lần lượt tăng 5% và 32% so với thực hiện năm 2022.
<b>Đầm Sen sắp trả nốt cổ tức 2022, tỷ lệ 25% bằng tiền mặt</b>	CTCP Công viên nước Đầm Sen (HOSE: DSN) thông báo chốt quyền trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền mặt cho cổ đông. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 18/04/2023.
<b>VFS muốn tăng vốn gấp 3 lần lên 2,400 tỷ đồng, không chia cổ tức 2022 và 2023</b>	ĐHĐCĐ thường niên 2023 của CTCP Chứng khoán Nhất Việt (UPCoM: VFS), diễn ra ngày 08/04 tại Hà Nội, đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ gấp 3 lần lên 2,400 tỷ đồng và chuyển sàn.
<b>DLG đạt mục tiêu lãi 100 tỷ đồng sau năm lỗ hơn ngàn tỷ</b>	Dù vừa báo lỗ gần 1.2 ngàn tỷ đồng trong năm 2022, CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (HOSE: DLG) vẫn đạt mục tiêu lãi 100 tỷ đồng trong năm 2023.
<b>VietABank đặt kế hoạch lãi trước thuế 2023 tăng 15%</b>	Theo tài liệu ĐHĐCĐ vừa công bố, Ngân hàng TMCP Việt Á (UPCoM: VAB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 1,275 tỷ đồng trong năm 2023, tăng 15% so với năm trước.
<b>Thép Nam Kim: Giai đoạn khó khăn nhất đã qua, kế hoạch lãi 400 tỷ năm 2023</b>	CTCP Thép Nam Kim (HOSE: NKG) đặt kế hoạch có lãi trở lại trong năm 2023.
<b>KBC muốn dồn lực trả hết nợ trái phiếu, tổng trị giá 3,900 tỷ</b>	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (HOSE: KBC) ngày 06/04 thông báo đã thanh toán và mua lại trước hạn 2,400 tỷ đồng trái phiếu phát hành riêng lẻ. Đồng thời, Công ty đang chuẩn bị nguồn lực để thanh toán hoặc mua lại trước hạn 1,500 tỷ đồng trái phiếu phát hành ra công chúng.
<b>VGG dự kiến trả cổ tức 2022 tỷ lệ 25%, kế hoạch lãi 2023 đạt 200 tỷ</b>	Tổng CTCP May Việt Tiến công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2023, dự kiến tổ chức ngày 28/04 tại TPHCM. Một số nội dung chính trình cổ đông thông qua là kế hoạch kinh doanh 2023 cũng như phương án phân phối lợi nhuận 2022.

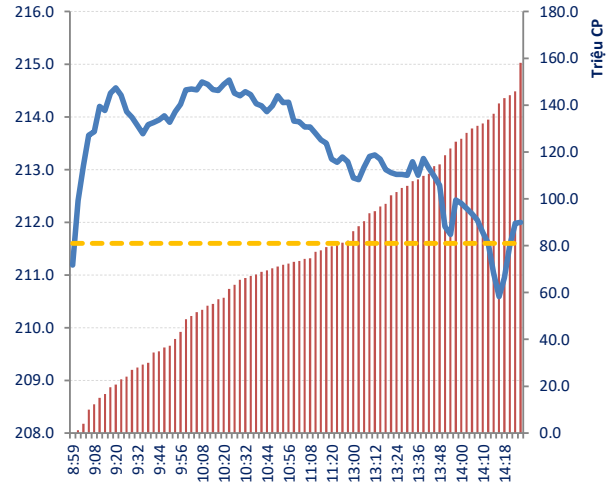


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

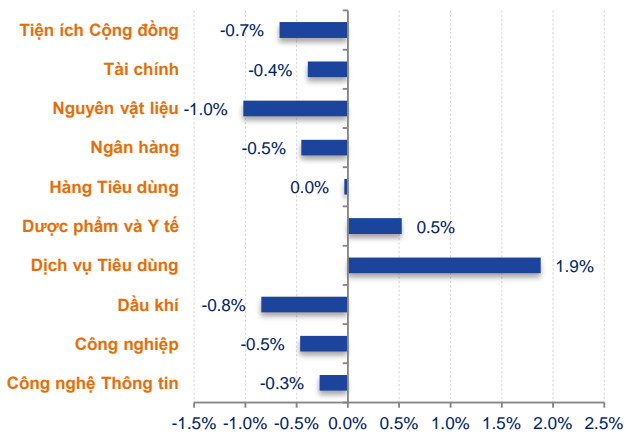
#### KLGD và VN-Index trong phiên



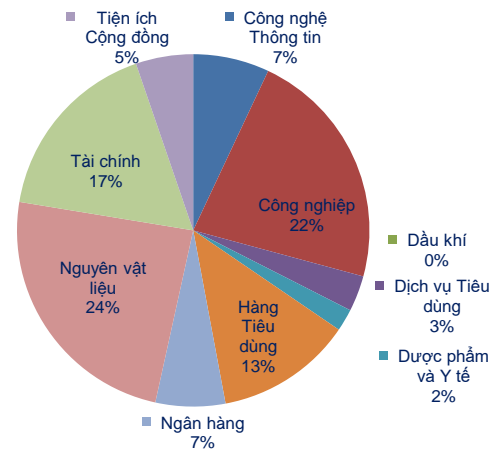
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



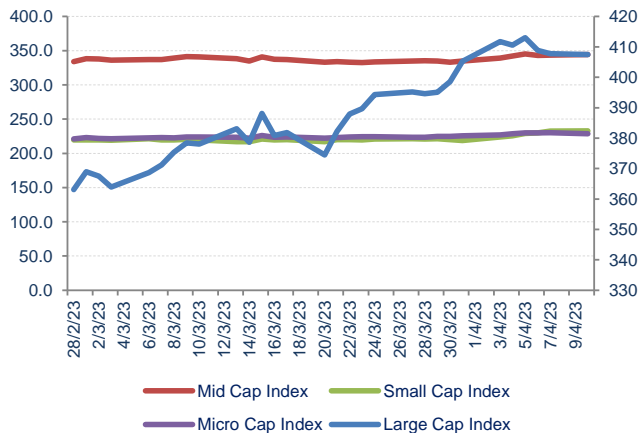
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



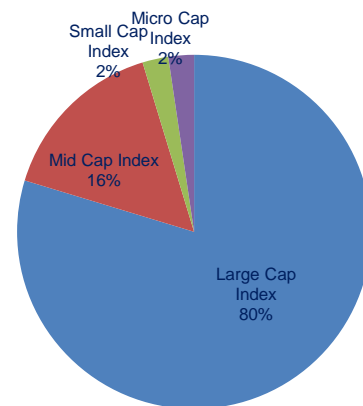
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HDB	2,635,100	HPG	5,183,600	1	IDC	199,450	NVB	28,200
2	TTF	2,481,300	STB	2,803,400	2	PVS	120,000	CIA	21,900
3	SSI	1,960,700	KDH	2,155,600	3	CEO	83,450	MBG	17,600
4	VND	1,320,700	VPB	1,613,900	4	TNG	58,500	THD	5,088
5	VRE	574,700	POW	1,345,600	5	MBS	56,282	BVS	5,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.60	12.00	↑ 3.45%	60,174,000	SHS	9.50	10.40	↑ 9.47%	69,945,219
VND	15.80	15.90	↑ 0.63%	35,573,500	CEO	25.50	25.00	↓ -1.96%	11,776,515
DIG	17.00	17.40	↑ 2.35%	26,975,500	IDJ	11.70	12.60	↑ 7.69%	7,957,093
HPG	21.20	20.70	↓ -2.36%	26,845,700	HUT	17.20	16.60	↓ -3.49%	6,625,105
SSI	22.50	22.40	↓ -0.44%	26,495,600	IDC	40.60	41.00	↑ 0.99%	6,247,607

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DC4	6.59	7.05	0.46	↑ 6.98%	MED	22.00	24.20	2.20	↑ 10.00%
VDS	8.88	9.50	0.62	↑ 6.98%	NTH	49.50	54.40	4.90	↑ 9.90%
HRC	48.80	52.20	3.40	↑ 6.97%	SIC	27.50	30.20	2.70	↑ 9.82%
HU1	7.05	7.54	0.49	↑ 6.95%	SMT	9.30	10.20	0.90	↑ 9.68%
LSS	8.05	8.61	0.56	↑ 6.96%	VIF	11.40	12.50	1.10	↑ 9.65%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMA	7.39	6.90	-0.49	↓ -6.63%	BII	2.00	1.80	-0.20	↓ -10.00%
VAF	10.15	9.51	-0.64	↓ -6.31%	DDG	42.20	38.00	-4.20	↓ -9.95%
SSC	31.00	29.05	-1.95	↓ -6.29%	VLA	48.60	43.80	-4.80	↓ -9.88%
SVC	38.65	36.50	-2.15	↓ -5.56%	LDP	8.30	7.50	-0.80	↓ -9.64%
KSB	27.10	25.65	-1.45	↓ -5.35%	PVL	2.10	1.90	-0.20	↓ -9.52%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	60,174,000	19.7%	2,520	4.6	0.8
VND	35,573,500	10.0%	1,095	14.4	1.3
DIG	26,975,500	1.9%	236	71.9	1.3
HPG	26,845,700	9.1%	1,459	14.5	1.3
SSI	26,495,600	9.3%	1,367	16.5	1.5

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	69,945,219	2.1%	224	42.4	0.8
CEO	11,776,515	7.7%	1,084	23.5	1.8
IDJ	7,957,093	9.8%	866	13.5	1.0
HUT	6,625,105	3.8%	415	41.5	1.5
IDC	6,247,607	40.1%	7,001	5.8	2.1

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	↑ 7.0%	0.0%	4	1,756.4	0.6
VDS	↑ 7.0%	-4.8%	(532)	-	0.9
HRC	↑ 7.0%	1.8%	336	145.2	2.7
HU1	↑ 7.0%	2.5%	380	18.6	0.5
LSS	↑ 7.0%	2.4%	520	15.5	0.4

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MED	↑ 10.0%	2.5%	550	40.0	0.8
NTH	↑ 9.9%	40.1%	6,393	7.7	3.0
SIC	↑ 9.8%	14.7%	3,524	7.8	1.4
SMT	↑ 9.7%	0.8%	103	90.7	0.7
VIF	↑ 9.6%	9.6%	1,359	8.4	0.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	2,635,100	22.2%	3,081	6.3	1.3
TTF	2,481,300	0.8%	8	509.8	3.8
SSI	1,960,700	9.3%	1,367	16.5	1.5
VND	1,320,700	10.0%	1,095	14.4	1.3
VRE	574,700	8.7%	1,222	23.9	2.0

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	199,450	40.1%	7,001	5.8	2.1
PVS	120,000	6.9%	1,849	14.0	1.0
CEO	83,450	7.7%	1,084	23.5	1.8
TNG	58,500	18.8%	2,880	6.1	1.1
MBS	56,282	13.0%	1,531	11.0	1.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	425,926	24.4%	6,318	14.2	3.1
BID	230,922	19.1%	3,590	12.7	2.2
VHM	220,766	20.6%	6,621	7.7	1.5
VIC	207,478	5.9%	2,270	24.0	1.5
GAS	193,692	26.1%	7,732	13.1	3.2

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,755	4.2%	697	56.4	2.3
IDC	13,398	40.1%	7,001	5.8	2.1
KSF	12,450	5.6%	1,224	33.9	1.8
PVS	12,379	6.9%	1,849	14.0	1.0
PVI	11,408	0.5%	168	290.7	1.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TDC	3.16	2.8%	350	30.9	0.9
DIG	3.11	1.9%	236	71.9	1.3
DXG	2.97	1.6%	354	38.4	0.6
PET	2.94	5.5%	1,114	19.7	1.1
DRH	2.94	0.0%	3	1,948.3	0.4

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

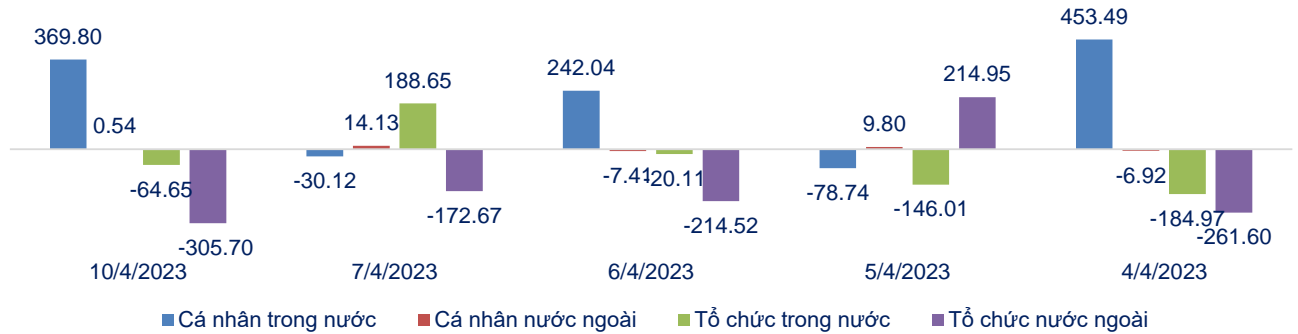
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.68	3.3%	615	88.1	4.1
APS	4.03	-37.9%	(5,410)	-	1.2
API	3.91	13.2%	1,411	8.9	1.1
IDJ	3.77	9.8%	866	13.5	1.0
CEO	3.75	7.7%	1,084	23.5	1.8





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	86.65	9.1%	1,459	14.5	1.3
STB	75.75	13.8%	2,674	9.7	1.3
VPB	66.50	19.1%	2,714	7.7	1.4
KDH	58.67	10.0%	1,550	18.1	1.7
KOS	33.23	1.0%	100	375.8	3.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	-102.18	-14.0%	(4,010)	-	3.9
KBC	-54.16	8.9%	1,991	12.6	1.1
SSI	-47.85	9.3%	1,367	16.5	1.5
HDB	-46.37	22.2%	3,081	6.3	1.3
VRE	-14.14	8.7%	1,222	23.9	2.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	2.74	64.8%	14,894	3.5	1.8
KDH	1.40	10.0%	1,550	18.1	1.7
VPB	1.11	19.1%	2,714	7.7	1.4
HDB	1.00	22.2%	3,081	6.3	1.3
MSN	0.90	9.0%	2,511	30.9	3.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-4.08	1.9%	236	71.9	1.3
VCB	-1.62	24.4%	6,318	14.2	3.1
SBT	-1.41	7.5%	1,064	14.5	1.0
HAG	-1.20	22.9%	1,217	6.1	1.3
TNH	-1.02	16.5%	2,710	13.5	2.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	94.44	-14.0%	(4,010)	-	3.9
KBC	50.00	8.9%	1,991	12.6	1.1
HPG	22.05	9.1%	1,459	14.5	1.3
VHM	17.57	20.6%	6,621	7.7	1.5
HAH	11.05	34.3%	11,365	3.3	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KOS	-32.91	1.0%	100	375.8	3.6
VPB	-32.79	19.1%	2,714	7.7	1.4
MWG	-27.46	18.5%	2,809	13.9	2.4
VND	-21.71	10.0%	1,095	14.4	1.3
GAS	-20.75	26.1%	7,732	13.1	3.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	50.63	22.2%	3,081	6.3	1.3
SSI	44.34	9.3%	1,367	16.5	1.5
VND	21.23	10.0%	1,095	14.4	1.3
VRE	16.71	8.7%	1,222	23.9	2.0
PLX	12.19	5.2%	1,141	33.0	1.7

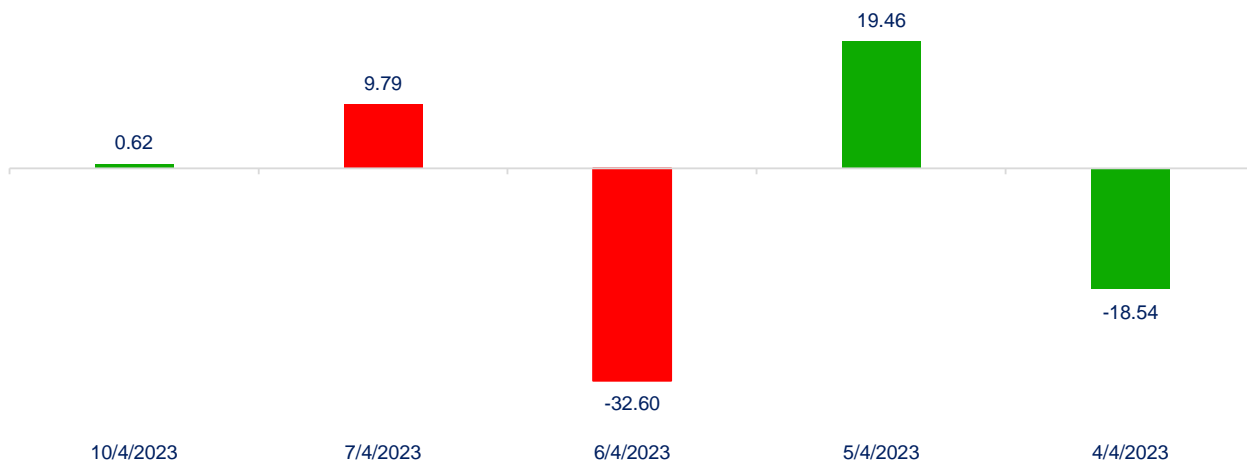
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-109.35	9.1%	1,459	14.5	1.3
STB	-73.29	13.8%	2,674	9.7	1.3
KDH	-62.89	10.0%	1,550	18.1	1.7
VPB	-34.83	19.1%	2,714	7.7	1.4
DGC	-22.24	64.8%	14,894	3.5	1.8

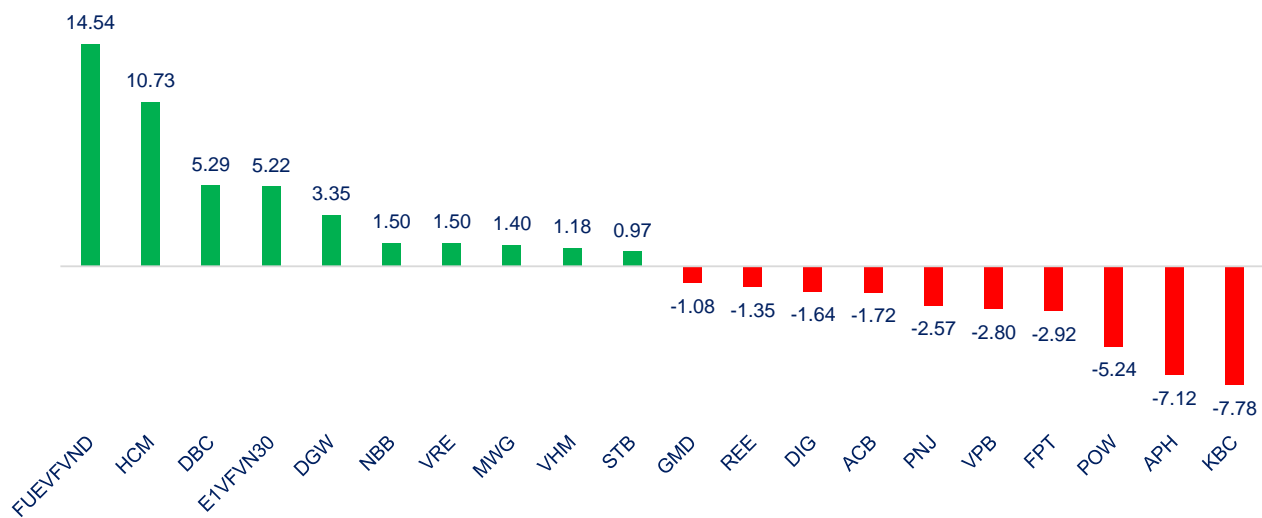


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---